

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+TD5+P8	7:25	3+2+16	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
2		RC5+TD2+P2	9:25	4+15+2	0+0+0		1+17+4	0+0+0	

TTBBSX

DATE: 20/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BKS - TDS - P8	CREW: HUNG - Lmh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			



FLIGHT MANIFEST



No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CAO CUONG	BKS	03	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SANG	BKS	88-89	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
3	DO MANH HUNG	BKS	90-91	2	15	34	60	XAYLAP	Vietnamese
4	EREMEEV EVGHENHIII	TDS	23	1	15		99	KHOAN	Russian
5	NGUYEN HUU HOANG QUAN	TDS	22	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
6	ARUSHANOV SERGEI	P8	84	1	4		108	KHOAN	Russian
7	NGUYEN VAN XUAN	P8	78	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MINH HIEU	P8	76,677	2	9		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TU DO	P8	86	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TAN PHUOC	P8	80	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DUC DUC	P8	82	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN THO	P8	77	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN LEN	P8	85	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
14	VU DUC THANH	P8	81	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG XUAN TRUNG	P8	89	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DUC TOAN	P8	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN SON	P8	83	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRINH HUU NGHIA	P8	73-74	2	10		69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU DUC	P8	87	1	10	12	78	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN HAI HUNG	P8	75	1	5		86	PSV	Vietnamese
21	PHAM ANH TUAN	P8	90-91	2	15		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	DEPARTURE		REMARK
							CARGO	ARRIVAL	
1	BKS	3	5	39	205	34	2		
2	TDS	2	2	22	159	0	1		
3	P8	16	19	120	1.149	12	19		
TOTAL		21	26	181	1.513	46	22		
WEIGHT KG				181	1.513	46			

GRAND TOTAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2023	TO: RCS - TD2 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - Huy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN TUAN	RCS	57-58	2	15		22	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HOA	RCS		2	15		20	XAYLAP	Vietnamese
3	VU VAN DUAN	RCS	62	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
4	QUAN VAN KHANH	RCS	59,61	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
5	LE QUANG CUONG	TD2	54	1	5	55	79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH ANH	TD2	56	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN BAC	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN MANH CUONG	TD2	55	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN HUY	TD2	61	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE ANH QUAN	TD2	60	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	TD2	48	1	12		87	KHOAN	Vietnamese
12	NGO QUANG HUNG	TD2	57	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM THANH GIANG	TD2	51	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
14	VU XUAN TRUONG	TD2	53	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUNG	TD2	52	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	TD2	62	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUNG QUAN	TD2	46	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
18	PHAN THANH TAI	TD2	58-59	2	12		54	DVL	Vietnamese
19	TRAN ANH VINH	TD2	49-50	2	13		61	DVL	Vietnamese
20	HOANG VAN BON	TD2	47	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG DUY TAI	P2	46-47	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
22	TO QUOC TUAN	P2	48	1	16		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	RCS	4	5	44	281	42	1	
2	TD2	16	17	106	1.164	55	17	
3	P2	2	3	35	125	0	4	
TOTAL		22	25	185	1.570	97	22	
WEIGHT KG				185	1.570	97		
GRAND TOTAL: 1.852 KGS								

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P1+P4	7:25	22+0+0	0+0+0		17+2+2	0+0+0	
2		BK10+P2+BK6	7:25	4+15+3	0+0+0		1+17+4	0+0+0	Chuyen 1 BK10 BK6
3		RCDM+TD3+P5	7:25	1+1+20	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
4		RP3+RP2+BK16	7:25	2+16+0	0+0+0		1+16+2	0+0+0	
5		RC3+RC10+RP1	9:25	13+5+0	0+0+0		7+2+11	0+0+0	Chuyen 2 RC3- RP1, Tháo 2 ghế chờ hàng RC10
6		BK3+RP2+RC5	9:25	2+18+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0	Chuyen 1 BK3- RC5
7		CTC1+BK8+BK5	9:25	13+6+3	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
8		RC10+CNV+P2	11:25	9+9+0	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
9		TD5+P2+RC3	13:30	3+17+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 người BK10 về bờ chuyển đầu, ra BK3 chuyển sau

2/ Đi về trong ngày: 1 người TD5, 3 người RC3, 3 người RC10, 3 người RP2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: TD5 - P1 - P4	CREW: ĐỨC - HỨc - TDUNG	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KAZANTSEVA VICTORIA	TD5	41	1	9	55	63	D-HANH	Russian
2	NGUYEN XUAN HAI	TD5	58	1	5	15	88	KHOAN	Vietnamese
3	ASKAROV DENIS	TD5	59-60	2	8		84	KHOAN	Russian
4	NGUYEN TAN TAI	TD5	57	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN BA HOA	TD5	35	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH BINH	TD5	38-39	2	11		68	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	36	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	VU LONG PHI	TD5	45	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LOC	TD5	40	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TIEN CHUNG	TD5	37	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
11	BUI XUAN KHOA	TD5	51-52	2	14		58	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN LOI	TD5	46	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC TU	TD5	33-34	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
14	SUNHIAKIN	TD5	42-43	2	12		87	VTB	Russian
15	POLISUK	TD5	44	1	4		102	VTB	Russian
16	TRAN TUAN DUNG	TD5	54-55	2	16		90	VTB	Vietnamese
17	LE TUAN ANH	TD5	53	1	6		69	VTB	Vietnamese
18	TRAN DAC THANG	TD5	47	1	5		71	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN LUONG SON	TD5	56	1	5		74	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VINH	TD5	48-49	2	5		76	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HANH	TD5	50	1	4		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	28	171	1.565	70	17		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
3	P4	0	0	0	0	35	2		
TOTAL		21	28	171	1.565	105	21		
WEIGHT KG				171	1.565	105			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	TO: BK10 - P2 - BK6	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương -	ETA: 09:10
XANH-1		PTUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TRI	BK10	04	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
2	LE NGOC LUAN	BK10	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN MANH	BK10	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGO DUY NGOC	BK10	05	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY KHANG	P2	91	1	5		80	YTE	Vietnamese
6	LE VAN LONG	P2	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG XUAN DIEP	P2	600	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
8	DO VAN DANG	P2	94	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC HUNG	P2	93	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NAM	P2	99	1	5	40	63	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN NIN	P2	97	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN HUNG	P2	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN DAT	P2	85	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	VU ANH NGOC	P2	87-89	3	18		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BAO TOAN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	HO NGHIA TAI	P2	95	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH BA HOANG NAM	P2	96	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH VAN THUAN	P2	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN DONG	P2	98	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DANG	BK6	06-07	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THIEP	BK6	08	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TRUONG MINH	BK6	05	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	4	4	25	272	0	1	1	CHUYEN 01 PAXTU BK10 SANG BK6
2	P2	15	16	85	1.051	40	17		
3	BK6	3	4	22	222	20	4		
TOTAL		22	24	132	1.545	60	22		
WEIGHT KG				132	1.545	60			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RCDM - P5 - TD3	CREW: Hạnh - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC TUAN	RCDM	27-28	2	20	20	80	DK 9	Vietnamese
2	NGUYEN HAI	TD3	73	1	9	20	78	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN HUU THO	TD3	92	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	76-77	2	8		102	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH AI HUU	TD3	85	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM HUNG DUONG	TD3	93	1	5		96	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	TD3	97	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LINH	TD3	90-91	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DUONG HAI	TD3	75	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	VU TIEN DUNG	TD3	94	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
11	LE MANH THANG	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ANH HUNG	TD3	95	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM XUAN HIEU	TD3	86	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
14	LE QUANG DAO	TD3	71-72	2	18		84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN DONG	TD3	98	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
16	QUACH VAN THANG	TD3	96	1	14		68	KHOAN	Vietnamese
17	LE THANH CHAU	TD3	87-89	3	16		70	PSV	Vietnamese
18	VU MANH DUNG	TD3	69-70	2	10		75	PSV	Vietnamese
19	VO VAN TUAN TU	TD3	74	1	6		70	PSV	Vietnamese
20	SERVANDO MARVIN	TD3	79-81	3	20		94	KHOAN	Filipino
21	NGUYEN HO NHAN TRUNG	TD3	82-83	2	20		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	1	2	20	80	20	0		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	20	28	188	1.478	20	20		
TOTAL		21	30	208	1.558	40	22		
WEIGHT KG				208	1.558	40			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	TO: RP3 - RP2 - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - MMinh - DTùng	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THI YEN	RP3	51-52	2	8	60	47	VIEN CNSH	Vietnamese
2	LUU NGOC HUNG	RP3	53	1	10		73	VIEN CNSH	Vietnamese
3	TRAN VAN CAN	RP2	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LE XUAN THANG	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN LAM	RP2	50	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC THANG	RP2	87	1	10		63	YTE	Vietnamese
7	VU MANH HA	RP2	46	1	7	35	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH THINH	RP2	52	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC SANG	RP2	43-44	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG QUOC VUONG	RP2	49	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN LY	RP2	86	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HUNG	RP2	51	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN VAN THIEM	RP2	54	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH DUY	RP2	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH DUONG	RP2	84-85	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO TUAN ANH	RP2	53	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG MINH HIEU	RP2	47	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TAN	RP2	41	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	3	18	120	60	1		
2	RP2	16	17	125	1.149	35	16		
3	BK16	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		18	20	143	1.269	95	19		
WEIGHT KG				143	1.269	95			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: RC3 - RC10 - RP1	CREW: HUNG - XTruong - MQUAN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CANH TAN	RC3					70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN KHOA TRUONG	RC3	74	1	5		70	NIPI	Vietnamese
3	TRAN VAN LINH	RC3				47	72	NIPI	Vietnamese
4	DO NGUYEN HONG THANH	RC3	73	1	5	12	82	KH-THAC	Vietnamese
5	DO VAN DUNG	RC3	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH CONG	RC3					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TAN HONG	RC3	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG KHOA	RC3	77	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGUYEN	RC3	75-76	2	19		80	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN MANH QUAN	RC3	86	1	7		70	PSV	Vietnamese
11	LE TUAN VU	RC3	87	1	5		100	PSV	Vietnamese
12	TRAN QUYET TIEN	RC3	31	1	5		68	PVGAS	Vietnamese
13	HOANG VAN HUNG	RC3	80	1	5		84	PVGAS	Vietnamese
14	YATSENKO	RC10	46	1	10		100	D-HANH	Russian
15	BRANCHUKOV	RC10	34	1	5		75	D-HANH	Russian
16	VU VAN TOAN	RC10	23	1	5	120	63	D-HANH	Vietnamese
17	DAO VIET HAI	RC10	21-22	2	12	90	70	KH-THAC	Vietnamese
18	VO TUAN ANH	RC10					63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	13	11	71	958	59	7	2	CHUYEN 2 RC3-RP1 THAO 4 GHE CHO HANG RC10
2	RC10	5	5	32	371	210	2		
3	RP1	0	0	0	0	60	9		
TOTAL		18	16	103	1.329	329	18		
WEIGHT KG				103	1.329	329			

GRAND TOTAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	TO: BK3 - RP2 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HAI	BK3	58-59	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG TUYEN	BK3	60-1	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN Y	RP2	89	1	10	15	70	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG QUỐC MAI	RP2	98	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NAM TRUNG	RP2	99	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUANG LỢI	RP2	93	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI SANG	RP2	90	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THÀNH HUNG	RP2	97	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	81	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	94-95	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ DUY QUYÊN	RP2	82	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2	91	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN QUẢN	RP2				25	62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	80	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI VĂN TUẤN	RP2	86	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀ QUANG QUYÊN	RP2	88	1	6		96	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	1000	1	10		65	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN NGUYỄN	RP2	96	1	4		73	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THẠCH	RP2	92	1	8		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	BK3	2	3	26	141	0	1 + 1	CHUYEN 1 BK3-RC5
2	RP2	18	18	116	1.206	40	19	
3	RC5	0	0	0	0	0	2	
TOTAL		20	21	142	1.347	40	22	
WEIGHT KG				142	1.347	40		

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	TO: CTC1 - BK8 - BK5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TTrung - MMinh - DTùng	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUẤN VŨ	CTC1	89	1	12	22	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	96	1	10	40	71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	85	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG HOANG ANH	CTC1	90	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN NINH	CTC1	93	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÂM TRỌNG ĐẠI	CTC1	86-87	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	95	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	91	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	98-99	2	13		92	KH-THAC	Vietnamese
10	BOYKO DENIS	CTC1	92	1	13		120	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	88	1	12		82	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HAI TRUNG	CTC1	97	1	4		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀI	CTC1	94	1	5		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG CAM	BK8	64	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TỈNH	BK8	63	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NHAN	BK8	60-61	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG LŨU	BK8	62	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TẤN	BK8	58	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	59	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	TRAN QUANG BINH	BK5	98	1	6	15	81	KH-THAC	Vietnamese
21	DOAN VAN TRINH	BK5	97	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
22	LE DUC HUY	BK5	96	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	13	15	96	950	62	12		
2	BK8	6	7	51	419	0	6		
3	BK5	3	3	20	223	15	4		
TOTAL		22	25	167	1.592	77	22		
WEIGHT KG				167	1.592	77			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	TO: RC10 - CNV - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong -	ETA: 15:10
XANH-3		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HUNG	RC10	03-04	2	9	120	60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THANH	RC10	05-06	2	16		61	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NHAT TAN	RC10	13-14	2	13		75	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM VAN DUNG	RC10	11-12	2	20	40	52	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY BAI	RC10	15	1	7		84	CODIEN	Vietnamese
6	LE VIET ANH ĐỨC	RC10	01	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
7	CU CHI CONG	RC10	07-08	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN TOAN	RC10	09-10	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO XUAN THỌ	RC10	02	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	ĐANG ĐỨC HANH	CNV	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ MINH TOAN	CNV	64-65	2	10		108	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC TRI	CNV	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	53	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG HAI	CNV	55	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH XUAN TOAN	CNV	56-57	2	7		59	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MINH	CNV	58	1	10	16	82	T-TIN	Vietnamese
17	VŨ ANH MINH	CNV	60-62	3	20		80	T-TIN	Vietnamese
18	VO THANH NHAT	CNV	54	1	7		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	9	15	122	624	160	6		
2	CNV	9	13	86	686	16	7		
3	P2	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		18	28	208	1.310	176	22		
WEIGHT KG				208	1.310	176			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Luu rep.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:35
FLIGHT: 9	TO: TD5 - P2 - RC3	CREW: Hạnh - Mạnh - Vũ	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THỨC	TD5	95-96	2	15	60	70	NHATHAU	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC MINH	TD5				23	57	NHATHAU	Vietnamese
3	ĐẠO BÀ TUƠNG LONG	TD5	97-98	2	15	3	71	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
5	HA CHIẾN THẮNG	P2	78	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC THẮNG	P2	82	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HIẾN	P2	74	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	72	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ SỸ VANG	P2	76	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ HUY QUYNH	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	79	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	75	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH XANH	P2	77	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN NAM	P2	70	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN SƠN	P2	80	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUANG DUY	P2	71	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HÙNG CƯỜNG	P2	68-69	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	73	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH KHOAN	P2	81	1	8		85	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ HÙNG	P2				25	78	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	4	30	198	86	1		
2	P2	17	15	98	1,223	25	18		
3	RC3	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		20	19	128	1,421	141	22		
WEIGHT KG				128	1,421	141			

GRAND TOTAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN